

Số: 2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ
lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 126/TTr-SNN ngày 22 /4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.

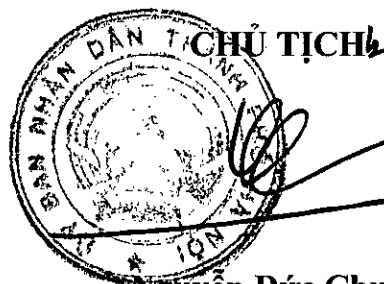
(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /b

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bí thư Thành ủy, các PBT Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PCVP: L.T. Lực, các phòng: TKBT, KSTTHC, THCB;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC_(Quyển).



Nguyễn Đức Chung

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)***I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI.**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đơn đặt hàng	<p>a. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:</p> <p>- Nộp trực tiếp: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, trong đó:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ tại thời điểm tiếp nhận.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở: 20 ngày làm việc.</p> <p>+ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá</p>	Bộ phận Một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội. Địa chỉ: Số 114, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội.	Lựa chọn một trong các cách thức: -Nộp hồ sơ trực tiếp; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến.	Không	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính Phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;</p> <p>- Quyết định 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.</p>

		<p>điều kiện thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến: 28 ngày làm việc, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở: 20 ngày làm việc. + Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. b. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đơn đặt hàng: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ tại thời điểm tiếp nhận. 				
--	--	---	--	--	--	--

		<p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến: 13 ngày làm việc.</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>				
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đơn đặt hàng	<p>- Nộp trực tiếp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, trong đó:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ tại thời điểm tiếp nhận.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.</p>	<p>Bộ phận Một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: Số 114, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội.</p>	<p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến.</p>	Không	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính Phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;</p> <p>- Quyết định 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. 				
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ tại thời điểm tiếp nhận. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. 	<p>Bộ phận Một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: Số 114, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội.</p>	<p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính Phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Quyết định 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>- Nộp trực tiếp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ tại thời điểm tiếp nhận. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. <p>- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. 	Bộ phận Một cửa Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội. Địa chỉ: Số 114, đường Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội.	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội; - Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính Phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Quyết định 823/QĐ-BNN-CN ngày 16/3/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.
5	Hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp &	Lựa chọn một trong các cách thức:	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Khoản 2, 3, Điều 9, khoản 1,

	sơ mời thầu ¹		PTNT Hà Nội; Địa chỉ: 38 Tô Hiệu, Hà Đông Hà Nội	- Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến.		2,3,4 Điều 105 Nghị định 63/ 2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 - Quyết định số 257/QĐ-BNN - XD ngày 17/01/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT;
6	Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu ²	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội; Địa chỉ: 38 Tô Hiệu, Hà Đông Hà Nội	Lựa chọn một trong các cách thức: - Nộp hồ sơ trực tiếp; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính; - Nộp hồ sơ trực tuyến.	Không	- Điều 12 Luật Đấu thầu số 43/ 2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Điều 9, 11, 14, 20, 26, 31, 36, 41, 43, 45, 46, 48, 50, 51, 52, 55, 56, 58, 59, 60, 62, 106 Nghị định 63/ 2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 - Quyết định số 257/QĐ-BNN - XD ngày 17/01/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT;

¹ và ²: đối với các công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ đầu tư.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI.

TT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
1	Số 07 mục B phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu	Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD ngày 17/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Số 08 mục B phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố	Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định số 257/QĐ-BNN-XD ngày 17/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
3	Số 31 mục B phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp biển xe được phép đi trên đê trong mùa lũ	Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
4	Số 32 mục B phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố	Cấp giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều	Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
5	Số 33 mục B phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố	Gia hạn giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều	Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
6	Số 34 mục B phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 5582/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố	Hướng dẫn, cung cấp thông tin, thỏa thuận hoạt động liên quan đến đê điều	Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
7	Số 04 mục I phần I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 2391/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố	Thỏa thuận quy hoạch chuyên ngành	Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/22/2017 của Quốc hội.

